TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/KDTM-ST
Ngày 21 - 3 - 2023
" V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Mai Văn Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 28/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S

Địa chỉ trụ sở: Số 67 Nguyễn Văn C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Trần Đình Th- Chức vụ: Giám đốc.

Ông Trần Đình Thủy quyền cho: Ông Hoàng Thọ B- Chức vụ: Phó Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S (Theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 6 năm 2022) *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B

Địa chỉ Doanh nghiệp: Số 185 đường V, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ nơi cư trú: Số 29 Tr, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2022, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S Ông Hoàng Thọ Btrình bày:*

Vào ngày 01/01/2020, Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S *(gọi tắt là công ty)* và Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B *(gọi tắt là ông Bình)* có ký kết Hợp đồng bán hàng hóa số 132/HĐMBHH/NHS. Theo đó, Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S cung cấp cho Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B số lượng 100 tấn xi măng/năm và ông Bình sẽ thanh toán theo hình thức chuyển khoản, tiền mặt hoặc bù trừ công nợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn bán hàng và cuối năm tất toán nợ.

Sau một thời gian mua bán, ông Bình đã thanh toán cho công ty lần cuối vào ngày 31/3/2021, sau đó hai bên không còn mua bán nữa. Theo Biên bản đối chiếu công nợ số 15/ĐCCN - NHS ngày 31/3/2021 giữa ông Bình ký với công ty xác định ông Bình còn nợ công ty số tiền 32.100.000 đồng. Từ ngày ký đối chiếu, ông Bình có trả cho công ty số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 06/7/2021, công ty đã làm giấy đề nghị thanh toán yêu cầu ông Bình phải trả số tiền còn nợ là 31.100.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng ông Bình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay, Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho công ty số tiền còn nợ là 31.100.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B nhưng Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B cố tình vắng mặt không đến Tòa mà không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia

tố tụng theo đúng các quy định tại các Điều 203, 205, 208 đến 211, 220, 233 BLTTDS năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định, từ Điều 239 đến Điều 243, Điều 247, Điều 249 đến Điều 252, Điều 258 và Điều 260 BLTTDS năm 2015.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật TTDS năm 2015. Cụ thể: bị đơn không tham gia phiên hòa giải ngày 31/01/2023 và phiên tòa ngày 28/02/2023 theo thông báo triệu tập hợp lệ của Tòa án.

Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ Điều 385, Điều 440 BLDS 2015 và khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại 2005 để chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty CP xi măng Ngũ Hành Sơn đối với Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B .

+ Buộc Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B phải trả cho Công ty CP xi măng Ngũ Hành Sơn số tiền 31.100.000 đồng.

+ Đương sự chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện đề ngày đề ngày 15 tháng 6 năm 2022 và tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 31.100.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu một trăm ngàn đồng)*.

HĐXX xét thấy đây là tranh chấp giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa.

[2] Về thẩm quyền:

Bị đơn Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B có địa chỉ trụ sở tại phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn Ông Hồ Thanh Bđã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[4] Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S yêu cầu Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B thanh toán số nợ do mua bán hàng hóa với số tiền 31.100.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về hình thực hợp đồng: Ngày 01/01/2020, Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S và Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B có ký kết Hợp đồng bán hàng hóa số 132/HĐMBHH/NHS. Theo nội dung hợp đồng Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B mua của Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S số lượng 100 tấn/năm.

HĐXX xét thấy: Hợp đồng bán hàng hóa nêu trên được ký giữa Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S và Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 24 luật thương mại năm 2005 nên phát sinh giá trị pháp lý, có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

Về việc thực hiện hợp đồng: Để thực hiện hợp đồng Công ty đã cung cấp lượng xi măng theo yêu cầu của ông Hồ Thanh Bình. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ số 15/ĐCCN-NHS ngày 31/3/2021 giữa ông Bình ký với Công ty xác định ông Bình còn nợ Công ty số tiền 32.100.000 đồng , sau khi ký đối chiếu công nợ ông Bình trả cho công ty số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 06/7/2021, Công ty đã làm giấy đề nghị thanh toán yêu cầu ông Bình phải trả số tiền còn nợ là 31.100.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng ông Bình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến thời điểm hiện nay, Ông Hồ Thanh B vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S. Do vậy, Ông Hồ Thanh Bđã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

[4.2] Việc Ông Hồ Thanh Bđã được Tòa án nhiều lần triệu tập để tham gia hòa giải nhưng ông Bình không đến tòa, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

HĐXX căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ số 15/ĐCCN-NHS ngày 31/3/2021 do Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S cung cấp cho Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các điều 24, 50, 55 luật Thương mại năm 2005.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân

sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở, phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 30, 35, 38, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50, Điều 55 và của Luật Thương mại năm 2005;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S đối với Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B về việc: *" Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

2. Buộc Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B phải có nghĩa vụ cho Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S số tiền là 31.100.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu một trăm ngàn đồng)*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong , tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Hồ Thanh B- Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*

Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn cho Công ty cổ phần xi măng Ngũ Hành S số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* đã nộp theo Biên lai thu số 0002030 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trương Thị Hai

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **103 /**2021/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Du

2. Ông Phạm Hồng Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST- DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng vay tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phùng, tên gọi khác (Lê Thị Phượng) sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 08, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2.Bị đơn: Bà Tô Thị Hồng Vân, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 04 đường Vũ Lăng, tổ 19, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Phùng trình bày:

Vào ngày 01/7/2020 (âm lịch) tức ngày 19/8/2020 (dương lịch) bà có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 02 tháng, kể từ ngày vay (ngày 19/8/2020) có nghĩa là đến ngày 19 tháng 10 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả.

Vào ngày 13/8/2020 (âm lịch) tức ngày 31/8/2020 (dương lịch) bà có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 02 tháng, kể từ ngày vay (ngày 31/8/2020) có nghĩa là đến ngày 31 tháng 10 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả.

Vào ngày 10/10/2019 (âm lịch) tức ngày 24/11/2020 (dương lịch) bà có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày vay (ngày 24/11/2020) có nghĩa là đến ngày 04 tháng 12 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vân trả lại số tiền gốc là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 20/10/2020, Ngày 01/11/2020, ngày 05/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 08/9/2021) với mức lãi suất 10%/năm.

Đối với bị đơn bà Tô Thị Hồng Vân: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Tô Thị Hồng Vân nhưng bà Tô Thị Hồng Vân cố tình vắng mặt không đến Tòa làm việc mà không có lý do. Do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay theo giấy vay tiền vào các ngày 19/8/2020 (dương lịch), ngày 31/8/2020 (dương lịch), ngày 24/11/2020 (dương lịch). Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tiền.

[1.2]Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ: Số 04 đường Vũ Lăng, tổ 19, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Tô Thị Hồng Vân nhưng bà Tô Thị Hồng Vân vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Tô Thị Hồng Vân

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Phùng đòi bà Tô Thị Hồng Vân trả số tiền 68.000.000đ, (Sáu mươi tám triệu đồng) HĐXX nhận thấy:

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/8/2020 đến ngày 24/11/2020 bà Lê Thị Phùng cho bà Tô Thị Hồng Vân vay 03 lần với tổng cộng số tiền 68.000.000đ, (Sáu mươi tám triệu đồng) cụ thể như sau:

Ngày 19/8/2020 bà Phùng có cho bà

Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 02 tháng, kể từ ngày vay (ngày 19/8/2020) có nghĩa là đến ngày 19 tháng 10 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà Phùng đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả.

Ngày 31/8/2020 bà Phùng có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 02 tháng , kể từ ngày vay (ngày 31/8/2020) có nghĩa là đến ngày 31 tháng 10 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả.

Ngày 24/11/2020 bà Phùng có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày vay (ngày 24/11/2020) có nghĩa là đến ngày 04 tháng 12 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc:

Căn cứ lời khai của đương sự, nội dung của 03 giấy vay tiền nêu trên, đây là các hợp đồng vay tiền, có thời hạn, nhưng không thỏa thuận lãi suất, có cơ sở xác định bà Lê Thị Phùng đã cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền là 68 triệu đồng. Vì vậy yêu cầu khởi hiện của bà Lê Thị Phùng buộc bà Tô Thị Hồng Vân phải trả nợ gốc 68 triệu đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với khoản tiền lãi:

HĐXX xét thấy:

Căn cứ giấy vay tiền vào ngày 19/8/2020 bà Phùng có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 02 tháng, kể từ ngày vay (ngày 19/8/2020) có nghĩa là đến ngày 19 tháng 10 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà Phùng, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà Phùng đã nhiều lần yêu cầu bà Vân

thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả, hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất nhưng bà Vân đã vi phạm cam kết, để bảo đảm quyền lợi cho bà Phùng chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà Phùng đối với bà Vân buộc bà Vân trả lãi từ ngày 20/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2021) với lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Lãi tính như sau:

24.000.000đ (gốc) x 0,83%/tháng x 10 tháng = 1.992.000 đồng

24.000.000đ (gốc) x 0,027%/ngày x 19 ngày = 123.120 đồng

Căn cứ giấy vay tiền vào ngày 31/8/2020 bà Phùng có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 02 tháng, kể từ ngày vay (ngày 31/8/2020) có nghĩa là đến ngày 31 tháng 10 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà Phùng, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà Phùng đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả, hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất nhưng bà Vân đã vi phạm cam kết, để bảo đảm quyền lợi cho bà Phùng chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà Phùng đối với bà Vân buộc bà Vân trả lãi từ ngày 01/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2021) với lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Lãi tính như sau:

24.000.000đ (gốc) x 0,83%/tháng x 10 tháng = 1.992.000 đồng

24.000.000đ (gốc) x 0,027%/ngày x 07 ngày = 45.360 đồng

Căn cứ giấy vay tiền vào ngày 24/11/2020 bà Phùng có cho bà Tô Thị Hồng Vân vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), mục đích buôn bán làm ăn, có viết giấy vay tiền và hẹn trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày vay (ngày 24/11/2020) có nghĩa là đến ngày 04 tháng 12 năm 2020 bà Vân sẽ trả số tiền trên cho bà Phùng, nhưng đến hẹn mà bà Vân vẫn không chịu trả, bà Phùng đã nhiều lần yêu cầu bà Vân thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến thời điểm hiện nay bà Vân vẫn chưa trả, hợp đồng vay không thỏa thuận lãi suất nhưng bà Vân đã vi phạm cam kết, để bảo đảm quyền lợi cho bà Phùng chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà Phùng đối với bà Vân buộc bà Vân trả lãi từ ngày 05/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2021) với lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Lãi tính như sau:

20.000.000đ (gốc) x 0,83%/tháng x 9 tháng = 1.494.000 đồng

20.000.000đ (gốc) x 0,027%/ngày x 03 ngày = 16.200 đồng

Về lãi suất: Bà vân phải trả cho bà Phùng tổng cộng số tiền: 1.992.000 đồng + 123.120 đồng + 1.992.000 đồng + 45.360 đồng + 1.494.000 đồng + 16.200 đồng =

5.662.680 đồng. Như vậy bà Vân phải trả cho bà Phùng cả gốc và lãi số tiền 68.000.000 đồng + 5.662.680 đồng = 73.662.680 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng).

[3] Do chấp nhận yêu cầu của bà Phùng nên Vân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 73.662.680 đồng x 5% = 3.683.134 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 186, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phùng tên gọi khác (Lê Thị Phượng) đối với bà Tô Thị Hồng Vân về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tiền".

1. Xử Buộc bà Tô Thị Hồng Vân phải trả cho bà Lê Thị Phùng tên gọi khác (Lê Thị Phượng) số tiền là **73.662.680 đồng (Bảy mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi đồng).**

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tô Thị Hồng Vân phải chịu là: 3.683.134 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn một trăm ba mươi bốn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị Phùng số tiền tạm ứng án phí 1.726.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0008606 ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trương Thị Hai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**